

Dân tộc học



NƯỚC NGOÀI

TẾT TRUNG THU Ở TRUNG QUỐC

NGUYỄN VĂN CĂN

Trung Quốc là đất nước có mấy ngàn năm lịch sử nên phong tục tập quán, lễ tết cổ truyền được lưu truyền và tích lũy vô cùng phong phú. Mặt khác, đây là quốc gia đa dân tộc nên phong tục tập quán, lễ tết còn có nhiều thể loại, hình thức. Trong vô số các lễ tết truyền thống chỉ có hai tết có bữa cơm đoàn viên là tết Xuân (tết Nguyên Đán) và tết Trung Thu. Đây là hai tết được người Trung Quốc coi trọng nhất. Trong bài viết này chúng tôi trình bày một số tìm hiểu ban đầu về tết Trung Thu.

1. Xuất xứ và tên gọi

Tết Trung Thu còn có các tên gọi là: Nguyệt Tịch, tết Nguyệt, tết Thu, tết Tháng 8, tết Con Gái, tết Hoa Quả, tết Đoàn Viên... Tết này không chỉ quan trọng với dân tộc Hán mà đối với các dân tộc thiểu số cũng rất được quan tâm.

Ngay từ thời Tam đại ở Trung Quốc, các bậc đế vương đã có tục ngày Xuân tế trời, ngày Thu tế trăng. Tục tế trăng gọi là “Thu mộ tịch nguyệt” nghĩa là tục ngắm trăng và tế lễ cúng thần trăng vào tối Trung Thu. Từ “Trung Thu” có lẽ có từ thời Chu, vì còn thấy ghi lại trong “Chu lễ”. Mùa Thu là 3 tháng, mỗi tháng có tên gọi lần lượt là Mạnh Thu, Trọng Thu, Quý Thu. Tháng 8 là tháng Trọng Thu mà ngày 15 lại là giữa

tháng 8 nên tết này được gọi là “Trung Thu”. Mùa Thu thời gian sau Hạ trước Đông, thời tiết không còn nóng nhưng cũng chưa lạnh, trời cao trong xanh, trăng rất tròn, rất sáng, rất đẹp. Có lẽ vì thế thời Chu mỗi khi đến Trung Thu đều tiến hành lễ “ngheh Hàn” và tế trăng. Tịch nguyệt là lễ quy định vào ngày 15 tháng 8 nhưng trước đây cũng có những thời tiết người ta tiến hành trước hoặc sau tết lập Thu một ngày. Các triều đại từ Tam đại đến Hạ, Thương, Chu, Tần vẫn chỉ là “ngheh Hàn tế trăng” nhưng đến Hán bắt đầu hình thành tết Trung Thu. Sang thời Tấn xuất hiện thêm tục lập Thu thưởng trăng và tục này nhanh chóng thịnh hành vào thời Đường. Đến Tống Thái Tông bắt đầu có quy định chính thức về tết Trung Thu. Sau này các vua, quan và cả các thần dân đều theo tập tục Trung Thu thời Tống làm lễ tế thần trăng.

Về tên gọi “Tết đoàn viên” thì trong sách “Đế kinh cảnh vật lược” của Lưu Minh Đồng và Vu Dục Chính có ghi: “15 tháng 8 là ngày phụ nữ quy ninh” (quay về nhà cha mẹ), lễ vật mang biếu tặng là bánh Trung Thu, nhưng ngay trong ngày lại phải trở lại nhà chồng để ăn cơm đoàn viên. Vì đêm 15 trăng tròn lại sáng nên các gia đình tập trung “vọng nguyệt”, muốn xum họp đầy đủ giống như trăng tròn, hàm ý cầu mong sự đoàn

viên, viên mãn trong cuộc sống. Ngoài ra tùy theo cách giải thích hay quan niệm của từng thời, từng nơi mà 15 tháng 8 sau này còn có các tên gọi khác nữa.

2. Tục cúng trăng

Tục cúng trăng có liên quan đến chuyện Thường Nga bay lên cung trăng. Tương truyền thời xưa mỗi ngày có đến 10 mặt trời cùng xuất hiện ở trên không trung làm cho mặt đất vô cùng nóng bức, nước sông, nước biển đều khô, nhân dân vô cùng gian khổ. Lúc đó có một anh hùng là Hậu Nghệ, sức khoẻ vô địch, có thể giương nỏ cây cung hàng vạn cân, bắn vừa xa vừa chính xác. Hậu Nghệ rất thương dân liền giương cung bắn liền một lúc 9 mặt trời. Mặt trời cuối cùng sợ quá nhận tội và cầu xin tha thứ. Lúc đó Hậu Nghệ mới nguôi giận thu cung lại và nghiêm lệnh cho mặt trời phải đứng giờ lên xuống, phải vì dân mà tạo phúc. Từ đó Hậu Nghệ danh vang thiên hạ. Sau Hậu Nghệ lấy vợ là một cô gái vừa đẹp vừa hiền hậu tên là Thường Nga. Hai vợ chồng sống vô cùng hạnh phúc. Thường Nga lại thường đem các súc vật chồng săn được đem chia cho láng giềng nên mọi người lại càng quý mến gia đình họ. Một lần Hậu Nghệ đi săn gặp một lão đạo sĩ. Lão đạo sĩ vốn rất khâm phục thần lực cũng như tấm lòng nhân đạo, yêu người của Hậu Nghệ nên cho chàng một liều thuốc tiên, uống vào có thể trường sinh bất lão, thành tiên và có thể bay lên trời. Nhưng Hậu Nghệ vốn rất yêu vợ lại cũng rất quý hàng xóm, không nỡ xa mọi người, không đành lòng một mình thành tiên, một mình lên trời. Vì vậy khi về đến nhà chàng đưa thuốc cho Thường Nga và Thường Nga đem cất kỹ. Hậu Nghệ lúc này vì đã nổi

tiếng nên có nhiều người đến xin học nghề săn bắn. Trong số họ có một người tên là Bồng Mông là một kẻ gian tà tiểu nhân. Bồng Mông không phải muốn học bắn mà chỉ muốn lấy trộm thuốc tiên để hấn một mình thành tiên, một mình sung sướng. Một hôm vào ngày 15 tháng 8, Hậu Nghệ cùng mọi người đi săn. Trời vừa tối, Bồng Mông bí mật quay về xông vào phòng của Thường Nga, cưỡng bức Thường Nga đưa cho hấn thuốc tiên. Trong tình hình bức bách ấy, Thường Nga đành lấy toàn bộ liều thuốc tiên ăn hết. Ăn xong, phút chốc thân thể nàng trở nên thanh thoát nhẹ nhàng và nàng tự bay lên không trung. Tuy vậy từ trong tim, Thường Nga vẫn rất thương nhớ chồng và xóm giềng nên nàng chỉ bay lên đến mặt trăng là nơi gần mặt đất nhất thì dừng lại. Hậu Nghệ về nhà tìm vợ không thấy, tìm thuốc không thấy, mới đoán ra sự tình. Chàng vội vàng ra ngoài thì thấy trên mặt trăng có người nhìn hình dáng giống Thường Nga. Chàng vội đuổi theo nhưng chàng tiến ba bước thì mặt trăng lùi ba bước, chàng tiến 10 bước thì mặt trăng cũng lùi 10 bước, chàng đứng thì mặt trăng cũng dừng, không có cách nào đuổi kịp. Chàng vô cùng buồn bã, nước mắt đầm đìa quay về nhà. Đến nhà chàng liền đem những thức ăn và hoa quả mà hàng ngày Thường Nga thích ăn bày ra khắp sân để mời Thường Nga xuống. Xóm giềng vốn yêu quý chàng và Thường Nga nên cũng làm theo mong cho họ đoàn tụ. Từ đó hàng năm cứ đến ngày 15 tháng 8 người ta lại dùng các loại bánh trái, hoa quả bày ra sân để cúng, mời Thường Nga trở lại mặt đất và dần dần hình thành tục Trung Thu cúng trăng.

Về tên gọi Thường Nga có nơi, có thời gọi là Hằng Nga. Trong bài thơ “Trăng” của Đỗ Phủ có câu:

Châm chúc Hằng Nga quả,
Thiên hàn nại cử Thu

Nghĩa là:

Chị Hằng thương phận goá
Thu lạnh chịu nằm đưng
(Nhượng Tống dịch).

Hoặc Lý Bạch trong bài thơ “Nâng chén hỏi trăng” cũng có câu:

Bạch Thỏ đảo thuốc Thu Hạ Xuân,
Hằng Nga cô thê dữ thủy lân

Tạm dịch là:

Thỏ ngọc giã thuốc suốt quanh năm
Hằng Nga cô đơn ai bầu bạn

Như vậy theo hai câu thơ trên thì Hằng Nga cũng chính là Thường Nga của chuyện cổ tích, hai tên chỉ một người.

Theo một dị bản truyền thuyết và tết Trung Thu, Thường Nga bay lên cung trăng vào ngày 13 tháng 8. Khi Hậu Nghệ đi săn về không thấy vợ, tìm khắp cả xóm không thấy lại thấy mất cả thuốc tiên mới biết vợ đã ăn thuốc và thành tiên bay đi rồi. Đêm đó chàng cả đêm không ngủ, tương tư thành bệnh. Sang đêm 14, trong lúc mơ màng chàng thấy có một đồng tử đến xin gặp và nói: “Thân là người được phục vụ phu nhân ở trong cung. Phu nhân biết tấm lòng của ngài và cũng rất nhớ ngài, nhưng hiện tại không thể tự nhiên mà xuống được. Ngày mai, lúc trăng tròn ngài dùng bột gạo làm những viên như là mặt trăng, làm xong đem bày về hướng Đông Bắc rồi gọi tên phu

nhân. Gọi như thế 3 đêm thì có thể đến tai phu nhân. Nếu phu nhân xuống được thì vợ chồng lại sum họp như xưa”. Hậu Nghệ không chỉ làm nhiều bánh mà còn nhờ cả hàng xóm cùng làm nhưng vẫn không gọi được Thường Nga. Có lẽ vì Hậu Nghệ chỉ làm bánh, bày hoa quả rồi gọi tên Thường Nga chứ không có bái lạy trăng nên tục cúng trăng chỉ có dâng hương, bày hoa quả mà không có bái lạy. Nói về tục này trong dân gian còn có câu: “Nam không bái trăng, nữ không tiễn táo”, nghĩa là nam giới không bái lạy trăng mà chỉ có nữ giới mới bái lạy.

Đến các đời sau làm lễ cúng trăng nhìn chung các nhà đều dựng một hương án lớn ở sân hoặc vườn. Vườn được mở rộng cửa, treo đèn sừng dê và ở đài thượng trăng đã có chuẩn bị hương án. Hương án có thể dùng 4 cái bàn vuông lớn xếp lại. Trên bàn bày đủ các loại lễ vật để tế như: trà, rượu, dưa hấu, lê, táo, các loại rau quả tươi... và bánh Trung Thu. Bánh Trung Thu là loại bánh dẻo hoặc bánh nướng hình tròn gọi là “bánh đoàn viên”. Bánh đoàn viên được đặt trên một cái giá được chế tạo dành riêng và đặt chính giữa hương án. Phía dưới giá có lót miếng ván để giá có thể đứng thẳng được. Ở hai phía của giá lại được bày bánh Trung Thu hình thỏ giã thuốc. Xung quanh giá, trên mặt bàn là hoa quả và các loại phẩm vật cúng trăng bày kín. Trên bàn còn có giá nén, thường là giá bằng thiếc, hương thê và còn thêm một lò hương bằng đồng cao trên dưới hai thước (thước Trung Quốc cổ). Đến giờ lễ, nến hồng cháy sáng, hương thơm lan tỏa khắp sân vườn. Dưới đất còn trải thảm gấm để phụ nữ quỳ lạy. Xung quanh hương án còn bày bàn ghế để ngồi thưởng trăng.

Các bàn ghế này thường là hình tròn mang ý nghĩa đoàn viên. Tất cả mọi người trong nhà đều có mặt, sau khi người cao tuổi nhất dâng hương thì lần lượt quỳ lạy làm lễ tế trăng. Những nhà quyền quý có điều kiện còn bày bàn tế trăng ở bên hồ để có thể vừa ngắm trăng trên trời vừa ngắm trăng dưới nước và có khi còn ngắm trăng từ trên thuyền. Điều chú ý là người Trung Quốc cổ rất coi trọng việc đoàn viên xum họp. Trong lễ cúng trăng thường có mặt đầy đủ tất cả mọi người trong gia đình. Nếu có ai vì lý do sinh kế phải đi làm ở xa thì ngày này cũng cố gắng thu xếp để về đoàn viên cùng gia đình. Sau khi cúng trăng, toàn gia còn tập trung nghe người già kể chuyện như: “Thường Nga bay lên cùng trăng”, “Ngô Cương chặt quế”, “Thỏ ngọc giã thuốc” hoặc kể chuyện thơ “15 tháng 8 giết giặc Thát”... Sau đó còn có những cuộc chơi vui như đổ rượu, đổ chữ, đổ thơ... và các cuộc vui này đều có thưởng phạt làm cho không khí buổi lễ càng thêm phần vui vẻ có khi kéo dài đến tận khi trời hừng sáng.

3. Tục chia bánh Trung Thu

Tập tục tết Trung Thu ăn bánh Trung Thu có từ bao giờ? Có nhiều cách giải thích khác nhau về xuất xứ của tục này, trong đó có chuyện liên quan đến cuộc khởi nghĩa giết giặc Nguyên được nhắc đến nhiều hơn cả. Vào cuối thời Nguyên bọn quý tộc hèn yếu nhưng lại muốn duy trì củng cố địa vị thống trị chúng đã đưa ra một cách trị dân là không cho phép dân sử dụng vũ khí bằng sắt. Đối với đồ dùng sinh hoạt chúng quy định 10 nhà mới được dùng một con dao thái. Chính sách cai trị của chúng đã làm cho dân vô cùng căm phẫn. Tại một thành

nọ có một người tên là Cao Bưu Trương làm một chức quan nhỏ, ngâm liên kết nhân dân nổi dậy chống lại bọn tham quan. Ông cho làm bánh Trung Thu và trong nhân bánh để một tờ giấy hô hào khởi nghĩa. Đến đêm Trung Thu khi cắt bánh ăn mọi người thấy truyền đơn của Cao Bưu Trương. Vì 10 nhà mới có một con dao nên khi cắt bánh rất đông người biết. Vốn đang căm tức bọn quan lại mọi người đồng tình hưởng ứng cùng cầm dao, gây xông lên khởi nghĩa. Từ đó mỗi lần đến tết Trung Thu mọi nhà lại tổ chức chia bánh cùng ăn để kỷ niệm cuộc khởi nghĩa trên.

Tết Trung Thu của người Trung Quốc có rất nhiều loại bánh và hoa quả, nhưng lễ vật quan trọng nhất vẫn là chiếc bánh Trung Thu được làm theo cách riêng để bày lên giá tế trăng. Sau khi các nghi thức cúng lễ đã hoàn tất thì chiếc bánh tế này được chia đều cho tất cả thành viên trong gia đình, kể cả thai nhi trong bụng mẹ. Việc chia bánh như vậy là một lễ tục trong tết Trung Thu của người Trung Quốc. Người chia bánh phải có kỹ thuật, lại phải biết chính xác toàn bộ gia đình có bao nhiêu người (trước đây gia đình là tam, tứ đại đồng đường nên thường rất đông người). Trong lễ tế trăng này bao nhiêu người ở nhà, bao nhiêu người đi vắng đều phải biết chính xác. Có bao nhiêu thì bánh phải được chia làm bấy nhiêu miếng, tuyệt đối không được thừa hoặc thiếu dù chỉ một miếng. Mặt khác các miếng bánh lại phải hoàn toàn bằng nhau, không có miếng to, miếng nhỏ hoặc miếng bị vỡ dù chỉ một mẩu. Nếu trong gia đình có một người đang có thai thì người chia bánh cũng không thể quên chia thêm một phần cho thành viên tương lai đó.

Thường thì người chia bánh phải là một phụ nữ đang là “bà chủ” trong nhà. Nếu như trên bà chủ còn có tổ mẫu, thì bà chủ mời tổ mẫu đến ngồi bên cạnh rồi gọi con dâu trưởng mang dao lại để chia (dao chia bánh là loại dao được làm riêng chỉ để chia bánh mà thôi). Khi chia xong xuôi, mọi người đều có phần, vừa ăn vừa cười nói vui vẻ. Sau khi ăn miếng bánh được chia đó, mọi người tùy ý có thể ăn bánh khác hoặc ăn hoa quả, vui chơi, đổ thơ, đổ rượu... Các cuộc chơi có thể một vài tiếng hay kéo dài đến sáng tùy từng gia đình. Tục này khác với Việt Nam: sau khi vui chơi, rước đèn ngắm trăng mới “phá cỗ Trung Thu” tức là chia và ăn bánh (vì tết này được quan niệm là tết trẻ em nên bánh cũng được ưu tiên cho trẻ em trước chứ không chia đều).

Nếu theo các truyền thuyết về tục cúng trăng thì bánh Trung Thu đã được làm thời Hậu Nghệ. Nhưng văn bản có nhắc đến các từ “bánh Trung Thu” có niên đại sớm nhất là bài “Mộng lương lục” của Ngô Tự Mục thời Nam Tống. Trong bài này tác giả mô tả một loại thực phẩm có hình dáng giống như hoa củ ấu được gọi là “bánh Trung Thu”. Các tác phẩm như “Thuỷ hử”, “Kim bình mai” khi miêu tả các bữa tiệc Trung Thu đời Tống cũng đều không thấy nói đến bánh Trung Thu. Tác phẩm “Tây triều du lãm chi dư” đời Minh ghi: “Ngày 15 tháng 8 gọi là Trung Thu, dân gian còn truyền lại ăn bánh Trung Thu với ý nghĩa là đoàn viên”. Lưu Minh Đông, Vu Dịch Chính trong tác phẩm “Đế kinh cảnh vật lược” cũng viết: “Ngày 15 tháng 8 tế trăng, bánh để cúng nhất thiết phải là hình tròn”. Tuy nhiên cũng có ý nghĩa cho rằng ngay từ thời Tống đã có những quy định quà biếu này có thể dùng

bánh nhưng không rõ bánh loại gì, hình dáng như thế nào. Như vậy sớm nhất bánh Trung Thu cũng phải đến đời Tống mới có, nhưng chắc chưa thành tục phổ biến mà có khả năng phải đến đời Minh mới thành tục.

Đến đời Thanh thì các sách ghi chép về tục ăn bánh Trung Thu còn nhiều hơn, cụ thể hơn. Nhiều sách còn ghi lại trước sau ngày 15 tháng 8 thịnh hành tục “đi thăm người thân”. Một số nơi còn mang bánh đến tặng cho người vừa đi lấy chồng. Các cô, dì, chị, em của cô dâu đều đến, không phải chỉ một năm đầu, mà có khi đến cả ba năm sau. Tất nhiên nhà bố mẹ chồng đều chiêu đãi rất nhiệt tình. Có khi người con gái đã sinh con vẫn còn tặng “bánh nam nữ múa”. Có những vùng như ở Vinh Dương, Hà Nam bánh làm to nặng đến 7,8 kg. Vì tục cúng trăng và chơi trăng, tặng bánh Trung Thu đều do phụ nữ thực hiện là chủ yếu nên tết này nhiều nơi còn gọi là “Tết khuê nữ”.

Cũng có khi dịp Trung Thu vào thời kỳ thái bình như những năm Khang Hy 40, 42 nhà Thanh, triều đình còn có lệnh ân xá; ban bánh Trung Thu và bánh bao cho các quan trên 50 tuổi. Tại các phủ, quận các tuần phủ cũng ban thưởng bánh cho những người trên 50 tuổi để mọi người cùng vui Trung Thu, ca ngợi đất nước thái bình, thịnh trị.

Bánh Trung Thu cũng có nhiều loại, như “Thường Nga bôn nguyệt”, “Ngân Hà dạ nguyệt”, “Tam đàm ấn nguyệt”, “Tây Thi tuý nguyệt”... Mặt khác tùy từng địa phương lại có các kiểu bánh khác nhau như bánh kiểu Bắc Kinh, kiểu Quảng Châu, kiểu Tô Châu, kiểu Vân Nam... rất đa dạng và phong phú.

4. Tục thưởng trăng

Trước đây từ thời cổ đại, các bậc đế vương phong kiến chỉ làm lễ cúng trăng. Đến thời Ngụy, Tấn có đặt thêm tục Trung Thu thưởng nguyệt nhưng chưa thành lệ. Đến đời Đường thì thưởng trăng, chơi trăng mới thịnh hành. Tục này cũng có liên quan đến Đường Huyền Tông. Vào thời kỳ này ở Ngạc Châu có một người tên là La Công Viễn bỗng hỏi: “Bệ hạ có thể cùng với thần đi chơi cung trăng không?”. Nói xong liền cầm cái gậy ném lên không trung. Cái gậy trong phút chốc bỗng hoá thành một chiếc cầu trắng như bạc. La Công Viễn mời Huyền Tông cùng lên cầu. Đi chừng mười dặm thì họ đến một cái thành lớn. Huyền Tông quay nhìn thấy một hoành phi, trên có viết: “Quảng hàn Thanh hư tự phủ”. Công Viễn nói: “Đây chính là cung trăng rồi”. Huyền Tông nhìn chỉ thấy hàng trăm tiên nữ đang nhảy múa vui chơi trong khúc nhạc nghệ thường. Tất nhiên đây chỉ là truyền thuyết nhưng nó cũng phản ánh một thực tế là vào dịp Trung Thu, nhân dân thường hướng lên cung trăng thưởng trăng.

Đến đời Tống, tập tục tết Trung Thu thưởng trăng mới xác định: “Tết Trung Thu, các quán trọ, tửu điếm đều bán rượu mới. Các nhà quyền quý thì chuẩn bị trang trí các đài, lầu để thưởng trăng. Các nhà dân thường có thể đến các tửu lầu chơi trăng. Tiệc thưởng trăng có múa, hát, sênh, ca vang lừng và vui chơi có thể kéo dài đến sáng. Bánh có nhiều loại, nhiều dạng càng đẹp. Số lượng bánh tuỳ từng nơi, từng vùng”.

Đến thời Nam Tống, Trung Thu còn có thêm những hoạt động phong phú, đa dạng

hơn. Người ta chuẩn bị thưởng trăng không chỉ có hoa quả mà các gia đình quý tộc, quan lại còn giết lợn, dê, chuẩn bị tiệc rượu đoàn viên. Ở ngoài sân hoặc vườn, họ còn treo đèn sừng dê, thắp hương, đốt nến. Trong tiệc rượu có khi còn thêm trò chơi như đố vui, thổi sáo trúc, hát múa... Sau này, trong dân gian còn có thêm tục gửi quà biếu Trung Thu. Quà tặng biếu này thường là bánh nướng, bánh dẻo hình tròn.

Từ thời Minh, Thanh có thêm phong tục “thưởng Trung Thu”. Ở nhiều nơi còn hình thành các tục đốt dầu hương, đi thưởng trăng sáng, phóng thiên đăng, làm cây Trung Thu, điểm tháp đăng, múa hoả long, kéo đá, quay bánh xe thu... Trong các tục lệ thì ăn bánh Trung Thu và ăn bữa cơm đoàn viên vẫn được các nơi duy trì và coi là tục lệ không thể thiếu.

Tài liệu tham khảo

1. *Đại cương lịch sử Văn hoá Trung Quốc*. 1993. Bản dịch của Nxb Văn hoá Thông tin, H.
2. *Các lễ tết trong năm ở Trung Quốc*. 1983. Nxb Khoa học phổ thông Bắc Kinh (tiếng Trung).
3. *Đại cương phong tục dân gian Trung Hoa*. 1997. Nxb Du lịch Quảng Đông (bản dịch tiếng Trung).
4. *Đại cương Văn hoá Trung Quốc*. 1998. Nxb Giảng dạy và nghiên cứu ngoại ngữ Bắc Kinh (bản dịch tiếng Trung).
5. *Những truyền thuyết ít biết về Thần Châu, phần Dân tục*. 2001. Nxb Văn hoá Bắc Kinh (tiếng Trung).
6. Đỗ Phủ. *Thơ*. 1996. Nxb Văn hoá Thông tin, H.